TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:64/2019/QĐST - HNGĐ	*Quảng Xương ngày 04 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ thụ lý vụ án dân sự số 41/2019/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L – sinh năm 1993

HKTT: Thôn Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Q, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Võ Đức K – sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27/3/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:
   Chị Vũ Thị L và anh Võ Đức K
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Võ Đức K thuận tình ly hôn.

* Về nuôi con: Chị Vũ Thị L và anh Võ Đức K thống nhất có 01 con chung Võ Thị Minh H, sinh ngày 20/10/2016. Chị L và anh K thỏa thuận: Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

*Về tài sản: Chị L, anh K không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Về án phí: Chị L và anh K thống nhất thỏa thuận: Chị L nộp 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0001459 ngày 19/02/2019 của chi Cục Thi Hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,9. Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKS cùng cấp*
- *Đương sự*
- *Cơ quan THA Quảng Xương*
- *UBND xã C*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Hà